

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG NGỮ VĂN 9**

### **PHẦN I: KẾ HOẠCH DẠY HỌC CTĐP NGỮ VĂN 9**

<b>TUẦN</b>	<b>TIẾT</b>	<b>BÀI DẠY</b>
17	81	<b>VĂN BẢN: TRONG RỪNG LÒNG BOONG.</b>
17	82	<b>VĂN BẢN: VỀ THÔI EM</b>
22	108	<b>TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG.</b>
22	110	<b>Trình bày bài văn ngắn nêu suy nghĩ về tình người đẹp đề ở quê em</b>
30	150	<b>Đóng góp của phương ngữ Quảng Nam</b>

### **PHẦN II: THIẾT KẾ BÀI GIẢNG.**

#### **TUẦN 17- TIẾT 81: VĂN BẢN:**

#### **TRONG RỪNG LÒNG BOONG.**

Chương trình địa phương

#### **A. Mục tiêu cần đạt:** Giúp học sinh.

##### **1. Kiến thức:**

- Vẻ đẹp thiên nhiên, sản vật, con người xứ Quảng: những cánh rừng lòng boong sai quả; những chiến sĩ dũng cảm nhân hậu.
- Nhận ra chất Quảng Nam trong những trang viết đậm chất trữ tình.

##### **2. Kỹ năng:**

- Phân tích được một đoạn trích từ một truyện ngắn Quảng Nam

##### **3. Tình cảm:**

- Bồi đắp tình yêu quê hương, tình yêu thiên nhiên xứ Quảng, lòng tự hào về sản vật và con người đất Quảng.

\*Tích hợp: Giáo dục các em tình yêu quê hương đất nước.

#### **B. Chuẩn bị**

Gv : - Tác phẩm “Trong rừng lòng boong”

- Bảng phụ

HS : - Đọc- hiểu văn bản

- Tìm hiểu giá trị nội dung và nghệ thuật theo sự dẫn dắt ở T trước.

#### **C. Tiến trình tổ chức các hoạt động.**

##### **\* HD1.Kiểm tra: (4p)**

Kiểm tra sự chuẩn bị của HS và bài cũ.

Kể tên các tác phẩm truyện Trung đại đã học?

Phát biểu cảm nghĩ của em về một nhân vật mà em yêu thích nhất?

##### **\*HD 2. Khởi động.(2 p)**

Em hãy đọc một câu ca xứ Quảng? Đất Quảng Nam chưa mưa đã thấm.

Rượu hồng đào chưa nhấm đã say...

Ở quê hương Quảng Nam thân yêu, em có biết những loại trái cây nào là nổi tiếng?

Hs trả lời. GV dẫn vào bài.

Quê hương Quảng Nam thân yêu không chỉ nổi tiếng với thiên nhiên đẹp, với con người anh hùng nhân hậu mà còn có những sản vật nổi tiếng. Hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu một tác phẩm viết về Quảng Nam của nhà văn Thu Bồn.

**HD 3. Bài học. (34 p)**

<b>Hoạt động của thầy.</b>	<b>Hoạt động của trò và định hướng.</b>	<b>Ghi bảng.</b>
<p>Nêu hiểu biết của em về tác giả?</p> <p>- Hoàn cảnh ra đời của bài thơ?</p> <p>B1- Đọc tìm hiểu về đẹp của cánh rừng lòng boong</p> <p>- Cánh rừng lòng boong được miêu tả qua những chi tiết nào?</p> <p>- Qua đó em cảm nhận gì về tình cảm, thái độ của tác giả? Chốt ý chuyển ý 2</p> <p>B2- Tìm hiểu vẻ đẹp nhân vật Thận thể hiện qua đoạn trích Qua cách kể của tác giả, em cảm nhận nhân vật thận là con người có những đặc điểm gì?</p>	<p>Hs quan sát tài liệu, trả lời.</p> <p>+Thu Bồn tên Hà Đức Trọng (1935-2003),quê Điện Thắng, Điện Bàn, Quảng Nam.</p> <p>+ Đạt nhiều giải thưởng: Văn học NĐChiểu (1965), thơ báo Hà Nội Mới (1969), Hội nhà văn Á- Phi (1973)</p> <p>+ Sáng tác: thơ, trường ca, truyện, tiểu thuyết...</p> <p>+ Truyện ngắn “Trong rừng lòng boong” được viết mùa hè 1973, in trong Văn QN-ĐN 1965-1975</p> <p>Bức tranh rừng lòng boong vào mùa quả chín đầy sắc màu, hình ảnh, âm thanh, sự sống vui tươi.</p> <p>Miêu tả bằng ngòi bút tinh tế, qua cái nhìn tràn ngập tình yêu mến -&gt; tự hào về vẻ đẹp quê hương và niềm yêu đời thiết tha cuộc sống.</p> <p>Ở trong một khu rừng vắng vẻ, có nhiệm vụ trông coi, bảo vệ kho hàng đạn dược; tự lo lương thực cho chính mình, ăn củ mài tự đào là chính, cứu một con nhồng bị thương, chăm sóc nó và coi nó như em gái.</p> <p>+ Miêu tả bằng ngòi bút tinh tế đặc</p>	<p>I.Tìm hiểu chung:</p> <p>1. Tác giả:</p> <p>2. Tác phẩm:</p> <p>II. Phân tích:</p> <p>1. Vẻ đẹp của cánh rừng lòng boong:</p> <p>- Đầy sắc màu, hình ảnh âm thanh sự sống vui tươi</p> <p>- Tự hào về vẻ đẹp quê hương và niềm yêu đời thiết tha cuộc sống.</p> <p>2. Vẻ đẹp nhân vật Thận:</p> <p>- Là người lính đầy tinh thần trách nhiệm</p> <p>- Có ý thức rèn luyện, siêng năng cần cù.</p>

<p>* Hướng dẫn tổng kết</p> <p>-Nêu những đặc sắc nghệ thuật trong đoạn trích?</p> <p>Em hãy tìm những từ ngữ, hình ảnh mang đậm chất QN trong đoạn trích?</p> <p>- Nêu khái quát nội dung VB?</p> <p>- Nêu ý nghĩa của đoạn trích?</p> <p>GV chốt ý, rút ra ghi nhớ.</p> <p>Gọi hs đọc ghi nhớ.</p>	<p>sắc, đầy cảm xúc trữ tình</p> <p>+ Cách kể chuyện hấp dẫn</p> <p>Ca ngợi người lính, người dân đất Quảng anh dũng, yêu quê hương, đất nước, nhân hậu, yêu thiên nhiên, loài vật.</p> <p>Đất Quảng có những cánh rừng lòng boong đẹp, tràn đầy sức sống; có những con người anh dũng nhân hậu, giàu lòng yêu quê hương, đất nước, yêu loài vật.</p> <p>- HS đọc ghi nhớ.</p>	<p>- Có tấm lòng thương yêu loài vật</p> <p>III. Tổng kết:</p> <p>1. Nghệ thuật:</p> <p>Cách kể chuyện hấp dẫn (tự sự xen miêu tả, trữ tình)</p> <p>2. Nội dung:</p> <p>3. Ý nghĩa:</p> <p>Tình yêu quê hương, thiên nhiên núi rừng; lòng tự hào về sản vật và con người xứ Quảng.</p> <p>Ghi nhớ sgk.</p>
--	--	--

\* **HD4:** Củng cố: (3 p)

- Phát biểu cảm nghĩ của em sau khi học văn bản này

\* **HD5:** Hướng dẫn tự học: (2 p)

- Đọc văn bản, cảm nhận vẻ đẹp quê hương, những cánh rừng lòng boong sai quả và người lính dũng cảm, nhân hậu.

- Viết một đoạn văn ngắn tả lại một cảnh tượng thiên nhiên nào đó ở quê hương mình

- Chuẩn bị tiết tổng kết về từ vựng. Ôn lại các nội dung từ vựng đã học.

Soạn theo yêu cầu SGK.

**TUẦN 17- TIẾT 82- CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG.  
VĂN BẢN: VỀ THÔI EM**

**A. Mục tiêu cần đạt:** Giúp học sinh:

1. Kiến thức:

- Nắm được tình quê da diết thể hiện qua nỗi nhớ thương của những người con Quảng Nam xa xứ.

2. Kỹ năng:

- Đọc- hiểu một bài thơ viết về tình cảm con người QN khi xa quê.

- Phân tích được sự tinh tế của tác giả trong việc lựa chọn để đưa vào bài thơ những hình ảnh, địa danh và những ý tưởng ca dao đậm đà chất QN.

3. Tình cảm:

- Bồi dưỡng tình yêu đối với quê hương QN.

\*Tích hợp: Với một số bài thơ khác về Quảng Nam, với những câu ca dao xứ Quảng.

**B. Chuẩn bị:**

GV: - Cung cấp văn bản “ Về thôi em” cho HS

- Tìm tư liệu về tác giả, tác phẩm.

HS: - Soạn bài theo yêu cầu của giáo viên.

**C. Tiến trình tổ chức các hoạt động.**

\* **HD1.** Kiểm tra:( 4 p)

- Phân tích diễn biến tâm trạng ông Hai khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc?

- Qua truyện ngắn Làng của KL em hiểu gì về người nông dân trong k/c chống Pháp?

\* **HD 2:** Giới thiệu bài: (3 p)

? Nếu được giới thiệu với bạn bè ở nơi khác về quê hương QN của em, em sẽ giới thiệu những gì? ( HS có thể giới thiệu về danh lam thắng cảnh, về đặc sản quê hương.)

- Từ câu trả lời của HS, GV dẫn vào bài thơ.

- Bài thơ đã được phổ nhạc, gv mở băng nhạc cho học sinh nghe.

\* **HD 3:** Bài học. (30 p)

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò và định hướng	Ghi bảng
<p>Hướng dẫn tìm hiểu chung:</p> <p>- GV gọi HS đọc phần giới thiệu về tác giả, tác phẩm trong tài liệu hướng dẫn.</p> <p>? Qua tìm hiểu, em hãy giới thiệu đôi nét về tác giả, tác phẩm ?</p> <p>- Hướng dẫn học sinh đọc và tìm hiểu từ khó.</p> <p>GV đọc mẫu sau đó gọi hs</p>	<p>Học sinh đọc.</p> <p>Dương Quang Anh sn 1946, quê ở Bình Lâm- Thăng Bình, nay là xã Bình Lâm, huyện Hiệp Đức- QN.</p> <p>Bài thơ s/tác năm 1997, in trong tập thơ: Chưa mưa đã thấm.</p> <p>Đọc giọng tâm tình, giục giã ở 2 câu đầu; sôi nổi, tha thiết hơn ở 12 câu tiếp và lắng sâu, nhẹ nhàng ở phần còn lại.</p>	<p><b>I. Tìm hiểu chung:</b></p> <p>1/ Tác giả, tác phẩm:</p> <p>2/ Đọc và tìm hiểu từ khó:</p>

<p>đọc. Bảng phụ.          ? Bài thơ là lời tâm tình của ai? Về điều gì?          GV: Lời tâm tình trong thương nhớ đến xót lòng ấy hẳn được cất lên từ thăm sâu t/cảm trong những ngày tha hương của chính tác giả thì mới chân thành đến thế.          ? Tình cảm ấy được thể hiện ntn?</p> <p>Trong nỗi nhớ của tác giả hình ảnh quê hương hiện lên ntn?          Đó là những sản vật, những địa danh nào?          GV: Những sản vật, cảnh sắc bình dị nhưng rất tiêu biểu cho đất và hồn của QN được tác giả lựa chọn đưa vào bài thơ với tất cả niềm tự hào, yêu mến, thân thương.          ? Ngoài ra, người xa xứ còn nhớ gì nữa?</p> <p>? Bên cạnh nỗi nhớ thương da diết ấy, tác giả còn thể hiện tình gì với quê hương?</p> <p>? Ngoài tình cảm quê hương, còn t/c nào khác hối thúc người con xa xứ hãy mau mau trở về?          ? Từ đó, em hiểu t/g là một người ntn?          -GV giảng: Lớn lên trên mảnh đất đầy khó khăn mà nặng nghĩa tình ấy, lòng</p>	<p>Lời tâm tình của người con xa xứ về nỗi nhớ quê da diết, quay quắt trong những ngày giáp tết ở miền Nam.</p> <p>Thể hiện qua những hồi tưởng về quê hương, những khát khao được trở về và như sự hối thúc.          Vô cùng thân thiết với những sản vật, những địa danh.          - HS liệt kê: sản vật như rượu Hồng Đào, mít non, cá chuồn, ngọn khoai...; địa danh: Miếu Bông, Hòn Kẽm Đá Dừng, sông Thu Bồn...</p> <p>- Nhớ thương biết mấy người dân quê xứ Quảng, nhớ cha mẹ ngày xưa vất vả, gian nan.</p> <p>- Tự hào bởi người dân quê ta giàu t/cảm, yêu quê hương, cần cù, chịu thương, chịu khó.</p> <p>- Nỗi nhớ mong cháy lòng của cha mẹ.</p> <p>- Nặng lòng, son sắt với quê hương.</p>	<p>3/ Đại ý: Bài thơ là lời tâm tình của người con xa xứ về nỗi nhớ quê da diết, quay quắt.</p> <p><b>II. Phân tích:</b>          1/ Quê hương trong tình thương, nỗi nhớ của tác giả:          Vô cùng thân thiết với những sản vật, những địa danh bình dị nhưng tiêu biểu cho hồn quê.</p> <p>- Nhớ thương biết mấy người dân quê xứ Quảng, nhớ cha mẹ ngày xưa vất vả, gian nan.          2. Niềm tự hào về quê hương:          - Tự hào bởi người dân quê ta giàu tình cảm, yêu quê hương, cần cù, chịu thương, chịu khó.</p> <p>=&gt; Nặng lòng, son sắt với quê hương.</p>
--	---	---

<p>người xa quê, dẫu đang sống giữa chốn phồn hoa đô hội vẫn không nguôi nhớ và đất quê, tình quê, nguyện giữ mãi tấm lòng son sắt với quê hương.</p> <p>*Hướng dẫn tìm hiểu về nghệ thuật:</p> <p>? Em có nhận xét gì về giọng điệu của bài thơ?</p> <p>? Những câu thơ nào trong bài gọi cho em liên tưởng đến những câu ca dao xứ Quảng?</p> <p>? Nét đặc sắc nhất về nghệ thuật của bài thơ là gì?</p> <p>GV: Bởi thế không gian nghệ thuật của bài thơ chan chứa tình cảm xứ Quảng.</p> <p>? Ý tưởng nào trong bài thơ đã làm em đặc biệt xúc động?</p> <p>- Theo em, bài thơ thành công trên những phương diện nào?</p> <p>GV: có thể nói cái chất dân gian; hơi thở cuộc sống đất Quảng; cái hồn đất Quảng như thấm sâu vào từng câu, từng chữ của bài thơ.</p> <p>Khái quát lại nội dung của bài?</p> <p>Em hiểu gì về ý nghĩa của bài thơ?</p>	<p>- Giọng tâm tình, tha thiết.</p> <p>- Thêm chi mô...câu hát.</p> <p>- Vẫn khen đất mình chưa mưa dầm thấm</p> <p>- Biển dưới em....lòng theo.</p> <p>- Cha mẹ trông ... Đá Dừng...</p> <p>HS thảo luận, cử đại diện trả lời.</p> <p>-&gt; Vận dụng thành công cả hình ảnh lẫn ý tình của những câu ca dao thân thuộc của xứ Quảng</p> <p>- Cách giải bày bình dị, chân thành mà sâu lắng về nỗi nhớ quê đến quay quắt.</p> <p>- HS thảo luận nhóm.</p> <p>+ Nghệ thuật vận dụng thành công và tự nhiên các câu ca dao cũng như địa danh, sản vật quen thuộc xứ Quảng. Tạo nên một cái nền t/cảm đậm đà chất QN.</p> <p>+ ND: giải bày tình quê da diết thể hiện qua nỗi nhớ thương quay quắt của những con người tha hương trong những ngày giáp tết. Nỗi khát khao được sum họp gia đình của những người dân đất Quảng phải sống tha hương trong những ngày tết đến xuân về.</p>	<p><b>III. Tổng kết:</b></p> <p>1.Nghệ thuật:</p> <p>- Giọng tâm tình, tha thiết.</p> <p>- Vận dụng thành công cả hình ảnh lẫn ý tình của những câu ca dao thân thuộc của xứ Quảng</p> <p>2.Nội dung:</p> <p>3.Ý nghĩa:</p>
---	--	---

Gv chốt ý, rút ra ghi nhớ.	Hs đọc ghi nhớ.	Ghi nhớ: Bài thơ làm xúc động người đọc bởi cách giải bày bình dị, chân thành mà sâu lắng về nỗi nhớ quê đến quay quắt.
----------------------------	-----------------	---

**\* HD 4: Củng cố: (3p)**

- Cho hs đọc diễn cảm lại bài thơ.
- Khái quát lại những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.
- Em còn biết những bài thơ nào khác của các nhà thơ Quảng Nam viết về quê hương Quảng Nam?

**\* HD5. Hướng dẫn tự học: (2p)**

- Học thuộc lòng bài thơ, nắm vững những nội dung đã phân tích.
- Hãy chọn và nêu cảm nhận của em về một khổ thơ.

Soạn bài: Lặng lẽ Sa Pa.

Đọc tìm hiểu tác giả, tác phẩm.

Tìm hiểu về cốt truyện và tình huống truyện.

Cảm nhận về vẻ đẹp của các nhân vật trong truyện.

Tiết tới học bài *Đôi thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong vb tự sự*.

Đã dặn dò ở T 60.

\* Rút kinh nghiệm:

.....  
 .....  
 ....

**TUẦN 22- TIẾT 108: CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG.  
TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG.**

**A. Mục tiêu cần đạt:**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết một số từ ngữ địa phương.
- Hiểu được sự phong phú của các phương ngữ trên các vùng, miền đất nước.

**2. Kỹ năng:**

- Nhận xét về cách sử dụng từ ngữ địa phương.
- Tìm hiểu cách sử dụng từ ngữ địa phương trong giao tiếp.

**3. Tình cảm:**

- Có thái độ đúng đắn đối với việc sử dụng từ ngữ địa phương.

**B. Chuẩn bị:**

GV: - SGK, SGV, STK

- Bảng phụ với các thực từ (từ ngữ địa phương của một số vùng chỉ sự vật, hiện tượng, hoạt động, trạng thái, đặc điểm....)

HS: Sưu tầm các phương ngữ của Bắc-Trung - Nam (đồng nghĩa) để so sánh

### C. Tiến trình tổ chức các hoạt động:

\* **HD1.** Kiểm tra: (3p)

-Thế nào là từ địa phương? Nêu một số từ địa phương mà em biết?

\***HD2.** Khởi động: (1p)

Tìm từ đồng nghĩa với các từ sau:

ăn: ... ; Mẹ:... ; Bó: ...;Quả dưa:...,con lợn=( *xoi; má; tíu, ba; trái thơm, con heo*)

Các từ các em vừa tìm được không phải được sử dụng rộng rãi trên toàn dân. Chúng là những phương ngữ. Bài học hôm nay giúp chúng ta hiểu hơn về phương ngữ.

\* **HD3.** Bài học:

### I. Hình thành kiến thức:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS và định hướng	Ghi bảng			
<p>GV hướng dẫn HS làm bài tập1(sgk).</p> <p>- Tìm trong phương ngữ mà các em đang sử dụng hoặc trong các phương ngữ khác mà em biết những từ ngữ địa phương?</p> <p>a.Chỉ các sự vật, hiện tượng, không có tên gọi trong các phương ngữ khác và trong ngôn ngữ toàn dân?</p> <p>- HS tìm thêm những từ ở địa phương mình.</p>	<p><b>-Nhút</b> (phương ngữ Trung): món ăn làm bằng xơ mít muối trộn với một vài thứ khác, được dùng phổ biến ở một số vùng Nghệ Tĩnh.</p> <p><b>-Bòn bòn</b> (phương ngữ Nam): một loại cây thân mềm, sống ở nước, có thể làm dưa hoặc xào nấu, phổ biến ở một số vùng Tây Nam Bộ.</p> <p>VD: Khoai chà, lòng bong, rau bát bát...</p> <p>- Lòng bong: còn gọi là lòn bon , bòn bon, một loại cây ăn quả, lá kép lẻ, quả tròn thành chùm, có 5 múi, 5 vách ngăn, cùi ngọt. Cây lòng bong đặc biệt thích nghi với những vùng như Đại Lộc, Tiên Phước.</p> <p>- Khoai chà : khoai nấu chín chà lên rổ thưa cho vụn, phơi khô, dành làm thực phẩm, đặc sản Quảng Nam.</p> <p>- Rau bát bát: một cây leo có hình chân vịt hoặc lục giác, thường được hái làm rau ăn , mọc phổ biến ở vùng QN, Đà Nẵng.</p>	<p><b>I. Tìm hiểu các phương ngữ:</b>  <b>Bài 1:</b>  a.Tìm các phương ngữ chỉ các sự vật hiện tượng .... không có tên gọi trong các phương ngữ khác và từ toàn dân.</p>			
	<table border="1"> <tr> <td>Phương</td><td>Phương</td><td>Phương</td></tr> </table>	Phương	Phương	Phương	<p>b.Giống về nghĩa</p>
Phương	Phương	Phương			



<p>b) GV yêu cầu HS tìm các phương ngữ giống nhau về nghĩa nhưng khác nhau về âm</p> <p>- GV gọi các nhóm trình bày trên bảng phụ (kẻ bảng)</p>	<table> <tr> <th>ngữ Bắc</th><th>ngữ Trung</th><th>ngữ Nam</th></tr> <tr> <td><i>Cá quả lợn</i> <i>ngã</i> thấy (ăn) vụng</td><td><i>Cá tràu heo</i> <i>bổ</i> chộ (ăn) chùng</td><td><i>Cá lóc heo</i> <i>té</i> thấy (ăn) vụng, lén</td></tr> <tr> <td>Thỏa</td><td>Bưạ, đã nư.</td><td>thỏa</td></tr> <tr> <td>Xấu hổ</td><td>Mắc tịt, dị, dị òm</td><td>mắc cỡ</td></tr> <tr> <td>xa</td><td>ngái</td><td>xa</td></tr> </table>	ngữ Bắc	ngữ Trung	ngữ Nam	<i>Cá quả lợn</i> <i>ngã</i> thấy (ăn) vụng	<i>Cá tràu heo</i> <i>bổ</i> chộ (ăn) chùng	<i>Cá lóc heo</i> <i>té</i> thấy (ăn) vụng, lén	Thỏa	Bưạ, đã nư.	thỏa	Xấu hổ	Mắc tịt, dị, dị òm	mắc cỡ	xa	ngái	xa	<p>nhưng khác về âm:</p>
ngữ Bắc	ngữ Trung	ngữ Nam															
<i>Cá quả lợn</i> <i>ngã</i> thấy (ăn) vụng	<i>Cá tràu heo</i> <i>bổ</i> chộ (ăn) chùng	<i>Cá lóc heo</i> <i>té</i> thấy (ăn) vụng, lén															
Thỏa	Bưạ, đã nư.	thỏa															
Xấu hổ	Mắc tịt, dị, dị òm	mắc cỡ															
xa	ngái	xa															
<p>c) GV yêu cầu HS tìm các phương ngữ giống nhau về âm nhưng khác nhau về nghĩa.</p> <p>- GV kẻ bảng, các nhóm lên điền vào bảng</p> <p><b>Bài tập 2:</b>            Tại sao những từ ngữ địa phương như trong bài tập 1.a không có từ ngữ tương đương trong phương ngữ khác và trong ngôn ngữ toàn dân?            Tại sao một số từ ngữ địa phương như trong bài tập 1.a có thể chuyển thành từ ngữ toàn dân?</p> <p>- GV: Qua việc tìm hiểu 2 bài tập trên, em có nhận xét gì về từ ngữ địa phương?            – GV chốt ý</p>	<table> <tr> <th>Phương ngữ Bắc</th><th>Phương ngữ Trung</th><th>Phương ngữ Nam</th></tr> <tr> <td><i>óm</i>: bị bệnh</td><td><i>óm</i>: gây</td><td><i>óm</i>: gây</td></tr> <tr> <td><i>Hòm</i>: đồ đựng</td><td><i>Hòm</i>: áo quan</td><td><i>Hòm</i>: áo quan</td></tr> <tr> <td><i>Nón</i>: nón lá</td><td><i>Nón</i>: nón lá</td><td><i>Nón</i>: nón, mũ</td></tr> </table> <p>Bởi vì sự ra đời của các từ ngữ đó gắn liền với điều kiện tự nhiên cụ thể (và đời sống xã hội cụ thể) mang tính riêng biệt ở từng vùng miền của đất nước ta. Tuy nhiên hiện tượng nói trên chiếm tỉ lệ không đáng kể.</p> <p>- Một số phương ngữ đã biến thành từ ngữ toàn dân như: Sầu riêng, chôm chôm, điên điên, nhút, lòng boong. Vì cả nước chỉ có một cách hiểu duy nhất về các từ ngữ ấy và nghĩa của các từ ngữ ấy đã phổ biến rộng trong cả nước.</p> <p>HS trả lời</p>	Phương ngữ Bắc	Phương ngữ Trung	Phương ngữ Nam	<i>óm</i> : bị bệnh	<i>óm</i> : gây	<i>óm</i> : gây	<i>Hòm</i> : đồ đựng	<i>Hòm</i> : áo quan	<i>Hòm</i> : áo quan	<i>Nón</i> : nón lá	<i>Nón</i> : nón lá	<i>Nón</i> : nón, mũ	<p>c. Giống về âm nhưng khác về nghĩa:</p> <p><b>Bài 2:</b>            Có những từ ngữ mang tính địa phương là do sự khác biệt giữa các vùng, miền về điều kiện tự nhiên, đặc điểm tâm lý, phong tục tập quán ...</p> <p>- Một số phương ngữ đã biến thành từ ngữ toàn dân.</p> <p>* Ghi nhớ: ( <i>Trang 34/ tài liệu địa phương</i>)</p>			
Phương ngữ Bắc	Phương ngữ Trung	Phương ngữ Nam															
<i>óm</i> : bị bệnh	<i>óm</i> : gây	<i>óm</i> : gây															
<i>Hòm</i> : đồ đựng	<i>Hòm</i> : áo quan	<i>Hòm</i> : áo quan															
<i>Nón</i> : nón lá	<i>Nón</i> : nón lá	<i>Nón</i> : nón, mũ															

Gọi HS đọc ghi nhớ		
--------------------	--	--

## II. Luyện tập:

- Gọi HS đọc yêu cầu luyện tập
- GV đưa bài tập trên bảng phụ, Gọi HS lên bảng làm
- Gọi HS nhận xét, bổ sung

Từ ngữ địa phương trong các câu trên là:

a. *to tổ chẳng* : to qua mức

*răng*: sao

*rinh*: bưng

b. *chi*: gì

*na*: sao( từ nghi vấn), nào ( từ cảm)

c. *Khoai xiêm* : sắn

*đũm* : khúc

*tộ* : bát, tô

d. *Loòng boong*

Từ loòng boong không thể thay thế bằng các từ khác trong ngôn ngữ toàn dân vì không có từ ngữ tương đương ( trong trường hợp này , từ loòng boong có thể chuyển thành từ ngữ toàn dân)

\* HĐ4. Củng cố: (5p)

- Củng cố lại về từ ngữ địa phương và cho ví dụ để HS phân biệt với biệt ngữ XH đã học ở lớp 8..

Cho HS chơi trò chơi tiếp sức.

- Thể lệ: Lớp chia làm 2 đội , thành viên của mỗi đội lần lượt thay nhau tìm và ghi các từ địa phương tìm được lên phần bảng của nhóm mình. Trong vòng 1 phút, đội nào tìm đúng nhiều từ hơn sẽ thắng. GV làm trọng tài và cả giám khảo.

\* HĐ5. Hướng dẫn tự học: (2p)

- Sử dụng từ ngữ địa phương đúng lúc đúng chỗ trong giao tiếp

Chuẩn bị cho bài mới: Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới.

Đọc văn bản, chú thích.

Trả lời các câu hỏi ở phần đọc hiểu văn bản.

\* Rút kinh nghiệm:

.....  
 .....  
 .....

**TUẦN 22-Tiết 110- TLV:**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG  
 SUY NGHĨ VỀ TÌNH NGƯỜI ĐẸP ĐỂ QUÊ EM**

**A. Mục tiêu cần đạt :Giúp HS :**

1. Kiến thức:

- Có thêm những hiểu biết về truyền thống quê hương.

2. Kỹ năng:

- Biết cách tổ chức và trình bày quan điểm của mình thông qua bài văn ngắn có nội dung viết về một vấn đề ở địa phương.

3. Tình cảm:

- Có ý thức sẻ chia và có tình yêu thương, có trách nhiệm đúng đắn về vấn đề tình người đẹp đẽ ở quê hương Quảng Nam.

Tích hợp: Giáo dục hs có ý thức xây dựng môi trường cảnh quan quê hương đẹp đẽ.

**B. Chuẩn bị :**

GV : Bài soạn, bảng phụ

HS: Chuẩn bị theo sự dặn dò ở tiết trước.

**C. Tiến trình lên lớp:**

\* **HD1.** Kiểm tra: Sự chuẩn bị của HS ở nhà. Nhận xét.(2 p)

\* **HD2.** Khởi động: (1 p) “Quảng Nam đất nặng nghĩa tình” – Tình người đẹp đẽ ở Quảng Nam là một vấn đề mang tính đạo đức truyền thống của người dân xứ Quảng.

Tình cảm đó được biểu hiện như thế nào? Hôm nay, các em sẽ nêu suy nghĩ của mình về vấn đề này.

\* **HD3.** Bài mới: (37 p)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Ghi bảng
Bước 1: - Đề bài: Nêu suy nghĩ về tình người đẹp đẽ ở quê em. Bước 2: Tìm hiểu đề và tìm ý Lập dàn ý:	HS chép đề  HS xác định yêu cầu của đề Thảo luận nhóm lập dàn ý	I. Đề bài: Nêu suy nghĩ về tình người đẹp đẽ ở quê em II. Tìm hiểu đề và tìm ý - Nghị luận về một vấn đề xã hội III. Dàn ý: a.MB: Giới thiệu về tình người đẹp đẽ ở quê em b.TB: - Giải thích, chứng minh tình người đẹp đẽ ở quê em + Cơ sở tình người đẹp đẽ + Biểu hiện của tình người đẹp đẽ - Nhận định đánh giá về tình người đẹp đẽ quê em c.KB: - Khẳng định tình người đẹp đẽ ở quê em. - Tự hào về truyền thống quê hương
*Bước 3: Tổ chức trình bày bài viết	HS trình bày bài viết của cá nhân	

- Cho HS trình bày bài viết - Lớp thảo luận góp ý bổ sung		
--	--	--

\* **HĐ 4:** Cùng cố: (3 p)

Bản thân em có suy nghĩ gì để tiếp nối những truyền thống tốt đẹp của quê hương?

**Cần làm gì để xây dựng cảnh quan môi trường quê hương luôn đẹp đẽ?**

\* **HĐ 5.** Hướng dẫn tự học: (2 p)

- Hoàn chỉnh bài viết.

- Sưu tầm một số bài viết về con người xứ Quảng. .

Chuẩn bị: Những ngôi sao xa xôi.

Đọc kĩ văn bản nhiều lần, tìm hiểu chú thích.

Tóm tắt truyện.

Trả lời các câu hỏi ở phần đọc hiểu văn bản.

\* Rút kinh nghiệm:

## **Tiết 150- TV: CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG**

### *Đóng góp của phương ngữ Quảng Nam.*

**A. Mục tiêu cần đạt :** Giúp HS

1. Kiến thức:

- Nhận ra được sự đóng góp của phương ngữ Quảng Nam trong việc bổ sung, làm phong phú thêm vốn từ chung.

2. Kỹ năng:

- Cảm nhận sự đóng góp của phương ngữ Quảng Nam trong việc góp phần mang lại sắc thái Quảng Nam trong những tác phẩm văn chương viết về Quảng Nam.

3. Tình cảm:

- Thể hiện thái độ trân trọng, tự hào về vẻ đẹp của phương ngữ Quảng Nam.

**B. Chuẩn bị :**

- HS: Sưu tầm các phương ngữ Quảng Nam và các từ vùng miền khác tương ứng

- GV: Lập bảng hệ thống, bảng phụ.

**C. Tiến trình lên lớp:**

\* **HĐ1.** Kiểm tra : (4 p)

Em hãy nêu các nội dung Tiếng Việt đã ôn tập?

Cho ví dụ về câu có hàm ý?

Kiểm tra vở soạn của hs.

- Nhận xét về sự chuẩn bị của HS ở nhà.

\* **HĐ2.** Khởi động: (1p)

- Nêu yêu cầu cần đạt.

Qua giao lưu văn hóa vùng miền, cũng như các phương ngữ khác, phương ngữ Quảng Nam ngày càng phát triển ổn định, góp phần làm phong phú thêm ngôn ngữ của đời sống

và ngôn ngữ văn học dân tộc. Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu sự đóng góp của phương ngữ Quảng Nam.

\* **HD3.** Bài học: (36 p)

I. Hình thành kiến thức:

<b>Hoạt động của GV</b>	<b>Hoạt động của HS và định hướng.</b>	<b>Ghi bảng</b>
<p>1.Tìm hiểu phương ngữ Quảng Nam.</p> <p>-Tìm những từ ngữ vùng miền khác tương ứng với phương ngữ Quảng Nam.</p> <p>Bảng phụ.</p> <p>- Đóng góp phương ngữ Quảng Nam vào vốn từ chung của dân tộc như thế nào?</p> <p>- Đóng góp phương ngữ Quảng Nam trong các tác phẩm văn chương.</p> <p>- Các nhóm thảo luận (có thể mỗi nhóm chỉ tìm từ ngữ một vài thể loại nào đó trong 5 thể loại văn học), đại diện nhóm trình bày trước lớp.</p> <p>- Nguồn gốc của phương ngữ Quảng Nam</p>	<p>- Hoạt động nhóm</p> <p>- Đại diện trả lời, lớp nhận xét</p> <p>Gv bổ sung.</p> <p>Bảng thống kê bên dưới.</p> <p>PNQN không chỉ ít nhiều gợi lên một sắc thái Quảng Nam trong giao tế và trong văn chương mà còn góp phần bổ sung, làm phong phú thêm vốn từ ngữ chung của dân tộc.</p> <p>PNQN góp phần mang lại sắc thái Quảng nam trong những tác phẩm văn chương viết về Quảng Nam.</p> <p>- Hoạt động nhóm</p> <p>- Đại diện trả lời, lớp nhận xét</p> <p>Gv bổ sung, giới thiệu thêm. (ở phần tư liệu bên dưới)</p> <p>- Hoạt động nhóm</p> <p>- Đại diện trả lời, lớp nhận xét</p> <p>GV: PNQN gồm những từ ngữ thường được dùng ở địa phương Quảng Nam trong đời sống hằng ngày của người dân xứ</p>	<p>I. Tìm hiểu phương ngữ Quảng Nam:</p> <p>1.Lập bảng hệ thống phương ngữ Quảng Nam tương ứng với các từ ngữ địa phương khác</p> <p>a.Dùng để xưng hô:</p> <p>b.Dùng để gọi tên người, sự vật, sự việc:</p> <p>c.Dùng để chỉ hoạt động, trạng thái:</p> <p>d.Từ ngữ chỉ tính chất đặc điểm mức độ:</p> <p>2.Đóng góp phương ngữ Quảng Nam vào vốn từ chung của dân tộc:</p> <p>- Làm phong phú vốn từ dân tộc</p> <p>3.Đóng góp phương ngữ Quảng Nam trong các tác phẩm văn chương :</p> <p>- Tục ngữ</p> <p>- Ca dao</p> <p>- Truyện cổ</p> <p>- Văn xuôi</p> <p>- Thơ</p> <p>4.Nguồn gốc của phương ngữ Quảng Nam</p>

	<p>Quảng, đặc biệt là trong những giao tiếp thân tình, gần gũi không mang tính nghi thức trang trọng (không mang tính chính thức xã hội). Xuất phát từ thực tế địa lí và thực tế lịch sử, PNQN chịu tác động sâu sắc và cũng tác động trở lại sâu sắc đến phương ngữ miền Trung.</p> <p>- Theo thời gian và qua giao lưu văn hóa vùng miền, PNQN đã tự làm giàu thêm cho chính mình, góp phần làm phong phú thêm ngôn ngữ của đời sống đất nước và ngôn ngữ của văn học dân tộc.</p>	<p>- Nguồn gốc tại chỗ</p> <p>- Nguồn gốc du nhập</p>
--	--	---

Bảng hệ thống phương ngữ Quảng Nam tương ứng với các từ ngữ địa phương khác

Các phương tiện thể hiện	Phương ngữ Quảng Nam	Từ ngữ các vùng miền khác
<b>Dùng để xưng hô</b>	ba bầu, nậu cậu dì dượng  mẹ mợ qua tui tau	cha, bố, tía bạn bác (anh trai của mẹ) bác (chị gái của mẹ) bác (chồng chị gái của cha hoặc của mẹ), chú (chồng em gái của cha hoặc của mẹ). mạ, má, me bác (vợ anh trai của mẹ) tôi, mình tôi tôi, tao
<b>Dùng để gọi tên người, sự vật, sự việc</b>	cái đầu gói cái giuộc cái mui (người) cái tộ cái xỉ chặp (nữa) con ách	cái đầu gói cái phễu cái môi (người) cái tô, cái bát cái thìa, cái muông lát (nữa), chóc (nữa) con ếch

	con óc nóc con trùn khoai xiêm đậu phụng đôi (mô) (lá) thơ Nhưn (bánh)	con nòng nọc con giun củ mì, củ sắn lạc chỗ (nào) (lá) thư Nhân (bánh)
<b>Dùng để chỉ hoạt động, trạng thái</b>	để biểu bươi (rác) lui cui mắc tịt mần nhóm rinh ráng té rúi (trí)	lì dị bảo bối lúi húi mắc cỡ, xấu hổ, dị... làm nhón bụng gắng ngã rối (trí)
<b>Từ ngữ chỉ tính chất, đặc điểm, mức độ</b>	dặn xăn bự bự chát, bự chảng hung lủ khủ túi (trời)	bận rộn to rất to nhiều rất nhiều tối (trời)

\* Đóng góp phương ngữ Quảng Nam trong các tác phẩm văn chương :

**a. Tục ngữ:**

- Chóp đèo Le lấy **ghè** đựng nước  
Chóp La Nga thì hạn, chóp Cao Ngạn thì mưa.
- **Coi** gió, bỏ buồm.

**b. Ca dao:**

- Trời oi trời ở không phân  
Kẻ ăn không hết người **mần** không ra.
- Ai về đất Quế làm dâu  
Ăn cơm **sáo** mít, hát câu ân tình
- **Nhóm chun** kêu **bớ nậu** nguồn  
Mít non gỏi xuống, cá chuồn gỏi lên

**c. Truyện cổ:**

- **Chập** nữa đãi làng, mâm tôi ngồi với ông hương kiểm, chú dọn bảy đôi đĩa thôi nghe.  
Bữa **ni** tôi **ả** mình, không muốn ăn uống **chi** hết.
- Các anh **ních** hết rồi, còn **chi** mà **thiệt** giả.

(Truyện cười Thủ Thiệm – Còn chi mà thiệt giả)

**d. Văn xuôi Quảng Nam:**

- **Trật lất! Dòm kĩ lại coi.**

(Lam Hà – Điều thuốc một thời)

- Duy Xuyên? **Đôi mô hề?**

(Hồ Duy Lệ - Mạ tôi)

- Ngày mai bà nhớ bắt cho **tuì** cặp gà, chọn con **mập mập**.

- Ông định hỏi **mô** ra thăm cháu mà bắt nhót sớm thế cho **ôm** gà?

**e. Thơ Quảng Nam:**

- Nhà ngoại xưa cũng Thăng Bình

Về **mô ướ bậu** đợi mình về theo

(Nguyễn Đức Dũng – Qua Ké Xuyên)

- Ve hồn nhiên trong lá

Phượng hồn nhiên giữa trời

Những tâm hồn rớt mạng

Ta ở **mô**... trong đời!?

(Thi Nguyễn – Rớt mạng)

**II. Luyện tập:**

Tìm những từ ngữ vùng miền khác tương ứng phương ngữ Quảng Nam trong các tác phẩm văn chương ở trên?

\* **HĐ 4.** Cùng cố (2p)

- Nắm nội dung đã học.

- Cho HS tìm thêm những cứ liệu khác mà em biết.

- GV nhận xét tinh thần học tập của học sinh.

\* **HĐ 5.** Hướng dẫn tự học: (2 p)

- Nắm được vai trò sử dụng phương ngữ Quảng Nam trong các tác phẩm văn chương

- Chuẩn bị trả bài viết số 7

+ Xem lại cách làm bài nghị về một bài thơ

+ Lập lại dàn bài chi tiết đề làm tại lớp

**PHẦN III. ĐỀ KIỂM TRA 15 PHÚT.**

**Câu 1. Tìm 10 từ ngữ địa phương Quảng nam và từ toàn dân tương ứng**

**Câu 2: Xác định từ ngữ địa phương Quảng Nam trong đoạn thơ sau:**

*Em ra không, mai anh về đất Quảng.*

*Trời miền Nam giáp tết quá nôn nao.*

*Thèm chi mô một chén rượu hồng đào,*

*Dầu chưa uống – chỉ say từ câu hát.*

*Em ở biển ngọn khoai trườn nông cát,*

*Anh trên nguồn đá chẹn củ mì eo*



*Cả đời cha cày bới lượm đỏi nghèo  
Vẫn khen đất mình chưa mưa đà thấm.*

(Trích: Về thôi em- Dương Quang Anh)

### HƯỚNG DẪN CHẤM:

**Câu 1: Học sinh có thể liệt kê đúng 10 từ ngữ địa phương Quảng Nam bất kì và từ toàn dân tương ứng. (Mỗi từ đúng ghi 0,5 điểm)**

Sau đây là một số từ gợi ý:

<b>Phương ngữ Quảng Nam</b>	<b>Từ ngữ toàn dân tương ứng</b>
ba bậu, nậu qua tui tau	cha bạn tôi, mình tôi tôi, tao
cái giuộc cái tộ cái xỉ chặp (nữa) khoai xiêm đậu phụng vịt xiêm con heo	cái phễu cái tô, cái bát cái thìa lát (nữa), chóc (nữa) củ sắn lạc ngan con lợn

**Câu 2: Các từ ngữ địa phương Quảng Nam trong đoạn thơ là: chi (gì), mô (đâu), nông (còn), lượm (nhặt), chẹn (chặn, chèn), củ mì (củ sắn) (mỗi từ đúng ghi 1 điểm)**

**PHẦN IV: ĐIỂM KIỂM TRA:** (ghi điểm cộng vào cột điểm 15 phút học kỳ 2- điểm 9,10 cộng 1, điểm 7,8 cộng 0,5, điểm 5,6 không cộng, dưới 5 trừ 0,5 điểm)